

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 29/5/2026

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Thu Hường**

Các Thẩm phán: Ông Phạm Năng Thành

Ông Nguyễn Ngọc Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 24/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc: “Ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và Gia Đình sơ thẩm số 282/2025/HNGĐ-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2026/QĐXXPT-HNGĐ ngày 08/4/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Tào Xuân P, sinh ngày 19/01/1976, CCCD số: 026076004789, cấp ngày 09/6/2023 (có mặt).

Nơi thường trú: Số D, ngách B, ngõ B, đường H, phường N, quận C, thành phố Hà Nội (nay là phường N, thành phố Hà Nội).

Nơi ở hiện nay: A chung cư X, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường Y, thành phố Hà Nội).

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị Mai P1, sinh ngày 17/7/1976, CCCD số: 001176007450, cấp ngày 26/8/2023 (có mặt).

Nơi cư trú: Số D, ngách B, ngõ B, đường H, phường N, quận C, thành phố Hà Nội (nay là phường N, thành phố Hà Nội).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

*** Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1973**

Nơi thường trú: Tổ B, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội).

Nơi ở hiện nay: P, tòa nhà T, phường M, quận N, thành phố Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội) (vắng mặt).

*** Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1956**

Nơi cư trú: Số nhà D, ngõ C, đường C, phường C, Hà Nội) (vắng mặt).

*** Ngân hàng TMCP Q2**

Địa chỉ: Số A L, phường Y, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T1, sinh năm 1975 - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Q3 và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Q2

Công ty TNHH Q3 và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Q2 ủy quyền:

+ Anh Lỗ Chí Anh Đ

+ Anh Nguyễn Tuấn T2

+ Anh Khiếu Ngọc S

+ Bà Đỗ Thị T3

Cùng địa chỉ: Tòa nhà A G, phường Ô, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

*** Công ty Cổ phần T7**

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà D, số C K, phường G, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P:* Luật sư Nguyễn Thị Thúy K - Công ty L2 - Đoàn Luật sư thành phố H (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A H, phường N, thành phố Hà Nội

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P1:* Luật sư Phạm Văn H – Văn phòng L3 – Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: Số A ngõ D T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường N, thành phố Hà Nội)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tào Xuân P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tào Xuân P và bà Hoàng Thị Mai P1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18/01/2002 tại UBND xã C, huyện T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do những bất đồng về quan điểm, lối sống không thể dung hòa được. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng dù đã cố gắng hòa giải, hàn gắn và được sự khuyên răn của gia đình hai bên nhưng không thể hoà hợp. Hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 06 năm 2015 đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai, ảnh hưởng xấu tới tinh thần và tâm sinh lý của các con, ảnh hưởng vô cùng lớn tới công việc cũng như sức khoẻ, tinh thần của bản thân hai vợ chồng.

Ông P thường xuyên bị vợ xúi giục các con nhả tin, chửi bới bố, các con xa lánh và không hợp tác với bố, trừ khi xin tiền ăn học. Từ mâu thuẫn vợ chồng dẫn tới các con trở thành những đứa trẻ không lễ phép, không ngoan với cha mình, khiến ông vô cùng đau đớn, mệt mỏi. Ông bị vợ “khủng bố” tinh thần trầm trọng hơn 10 năm nay khiến cuộc sống như địa ngục. Tình cảm vợ chồng tới nay hoàn toàn đã hết, chỉ còn sự căm giận, thù hận, chính bản thân bà P1 cũng đã thừa nhận điều này.

Do vậy, ông P đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho vợ chồng ông bà được ly hôn theo nguyện vọng để các con được yên ổn sống, lao động và học tập trở thành những công dân có ích cho xã hội.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Tào Hoàng L, sinh ngày 11/12/2002 và Tào Hương X1, sinh ngày 29/10/2007. Con trai lớn Tào Hoàng L đã trưởng thành (23 tuổi), khỏe mạnh, đã tốt nghiệp đại học và đi làm, có đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu toà giải quyết. Con gái thứ hai là Tào Hương X1 đã sắp tròn 18 tuổi, đã học xong lớp 12, hiện đang ở với mẹ nhưng ông P đã cấp dưỡng nuôi con học hành suốt từ khi sinh ra tới khi cháu học xong lớp 12. Sau này, nếu cháu tiếp tục học đại học ông P vẫn có trách nhiệm với con gái. Cháu hiện nghe theo mẹ nên không gặp gỡ, giao tiếp với bố. Có đôi khi nghe mẹ mà nhả tin chửi bới bố. Ông P không muốn cháu bị ảnh hưởng và nói những lời thô tục làm tổn hại tình cảm bố con nên cũng hạn chế gặp cháu, chỉ chuyển tiền vào tài khoản cho cháu tiêu vặt và đóng góp tiền học hành, chi phí theo quy định của trường, lớp và hội phụ huynh... Khi ly hôn, nếu cháu muốn ở cùng bố thì ông P sẵn sàng đón nhận cháu; nếu cháu muốn được ở với mẹ và mẹ cháu muốn như vậy thì ông P cũng thuận theo yêu cầu của bà

P1. Ông P không có tranh chấp gì về quyền chăm sóc và nuôi dưỡng con Tào Hương X1. Ông P sẽ tiếp tục đóng tiền học, cấp dưỡng cho cháu đến khi cháu trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 nhà đất chung là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 51 tại địa chỉ tổ D, phường N, thành H. Nhưng hiện tài sản này ông bà cho Công ty cổ phần T7 (sau đây gọi tắt là Công ty T7) mượn để thế chấp vay vốn ngân hàng. Do Công ty T7 nợ xấu nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình. Tòa án đã xét xử sơ thẩm, TAND thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, đều tuyên nếu Công ty T7 không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án phát mại tài sản đó để trả nợ. Nay Ngân hàng đã có đơn yêu cầu thi hành án và đang giải quyết thi hành án, do đó, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Trường hợp Công ty T7 không trả được nợ cho ngân hàng M mà cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán phát mại tài sản để trả nợ, nếu còn thì phần của ông, ông sẽ tặng cho lại 2 con và không có bất kỳ tranh chấp nào. Căn nhà này, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã nhiều lần yêu cầu bà P1 làm đơn yêu cầu toà giải quyết và nộp án phí để toà giải quyết nhưng bà P1 đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, đề nghị Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị X: Ông P khẳng định ông không vay của bà X bất kỳ một đồng nào, cũng chưa bao giờ gặp để hỏi vay tiền bà X, không ký bất kỳ giấy tờ vay mượn hay nhận nợ nào với bà X và cũng không nhận bất cứ đồng nào từ bà X. Việc mua nhà hoàn toàn bằng tiền của ông làm ăn mà có và vay thêm của ông T – Công ty T7. Trên thực tế, bà X cũng không cung cấp được bằng chứng chứng minh có giao dịch vay tiền giữa ông và bà X. Nếu bà X nói có cho bà P1 vay tiền thì đó là vay nợ riêng của bà P1, không phải vay nợ chung nên ông không liên quan và không chịu trách nhiệm về khoản vay nợ này.

Đối với khoản tiền vay của ông Nguyễn Ngọc T: Số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và 100.000 USD (một trăm nghìn đô la Mỹ), ông P khẳng định đã trả hết cho ông T và đã có giấy xác nhận của ông T vào ngày 21/9/2017, có sự làm chứng của chị Lê Mỹ H1 (CMND số: 013233175 do Công an T8 cấp ngày 22/8/2009; địa chỉ: T Kiến trúc T, phường X, quận B, Hà Nội). Do đó, giữa vợ chồng ông không còn khoản nợ chung này, yêu cầu Tòa không thụ lý và không giải quyết.

- Đối với số cổ phần mang tên Tào Xuân P tại Công ty cổ phần T7 (MSDN: 0101855040; địa chỉ trụ sở chính: tầng A, tòa nhà D, C K, thường N, quận B, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Ngọc T; Chức danh: Tổng Giám đốc): Công ty đã tạm ngừng kinh doanh từ 23/11/2023, không còn bất kỳ tài sản nào để chia. Do đó, nếu bà P1 muốn chia thì ông xin nhường lại toàn bộ cổ phần này cho bà P1 hưởng. Bà P1 không có đơn yêu cầu, không đóng án phí nên, bản thân ông cũng không tranh chấp nên kính đề nghị Quý Tòa không xem xét trong vụ án này.

*** Bị đơn bà Hoàng Thị Mai P1 trình bày.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Mai P1 và ông Tào Xuân P có tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/01/2002 tại UBND xã C, huyện T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông P ngoại tình với người phụ nữ khác tên là chị Nguyễn Hồng Q ở số B Đê L, phường Ô, quận Đ, Hà Nội. Ông P ở với chị Q từ tháng 5/2021, đến tháng 02/2022 khi cơ quan điều tra đến làm việc thì không ở đó nữa. Tháng 6/2020 ông P đã nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn về và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay ông P vẫn kiên quyết xin ly hôn thì bà P1 đồng ý ly hôn với ông P.

- Về con chung: Bà P1 xác nhận bà và ông Tào Xuân P có 02 con chung là cháu Tào Hoàng L, sinh ngày 11/12/2002, cháu Tào Hương X1, sinh ngày 29/10/2007. Cháu Tào Hoàng L đã đủ tuổi trưởng thành nên không có có ý kiến gì. Bà P1 có nguyện vọng nuôi cháu Tào Hương X1 và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi cháu X1 5.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung:

+ Vợ chồng bà P1 có tài sản chung là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 51, diện tích 44m² tại tổ D, phường N, quận C, thành phố Hà Nội thửa đất này hiện đang thế chấp như anh P trình bày là đúng. Vợ chồng có vay ông T 100.000 USD và 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) bằng tiền mặt để mua mảnh đất trên thì vợ chồng đã thỏa thuận với ông T là nếu không trả được thì sẽ ký thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay của công ty T7; Việc vay mượn đó vợ chồng bà có ký hợp đồng tín dụng với ông T ngày 29/6/2011 có chị Ngô Hoàng Q1 là người làm chứng. Tuy nhiên hiện nay số nợ của vợ chồng bà đối với ông T theo bà đã trả hết bằng tiền mặt và ông P là người trả. Bà P1 đưa tiền cho ông P trả nợ ông T chứ bà không trả trực tiếp cho ông T.

+ 01 chiếc xe ô tô Honda CRV nhưng hiện nay ông P đang giấu đi. Chiếc xe ô tô này trước đây đăng ký tên Công ty cổ phần T7 do anh Nguyễn Ngọc T là tổng giám đốc đại diện theo pháp luật nhưng bà khẳng định vợ chồng bà đã mua và sang tên cho ông Tào Xuân P. BKS là: 30S – 4088. Tôi yêu cầu chia tài sản chiếc xe này theo pháp luật.

+ Việc ông P có cổ phần trong công ty cổ phần T7 đề nghị Tòa án làm rõ. Đề nghị chia theo pháp luật.

+ Ngoài ra vợ chồng bà còn vay của bà Đỗ Thị X (trú tại số nhà D ngõ C đường C, phường C, quận B, Hà Nội số tiền 900.000.000 đồng bằng tiền mặt vào tháng 6/2011 để mua nhà đất tại địa chỉ trên. Việc vay nợ không có giấy tờ. Bà P1 đã trả nợ được 400.000.000 đồng (bằng tiền mặt) và xác định vợ chồng bà còn nợ bà X 500.000.000 đồng. Bà P1 yêu cầu cả hai vợ chồng cùng phải trả bà X số nợ này.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - Bà Đỗ Thị X trình bày:***

Do có mối quan hệ hàng xóm thân thiết với bố mẹ đẻ của bà P1, và bà nhờ ông P xin việc cho con trai bà X vào làm việc tại Công ty T7 nơi ông P đang làm Phó Giám đốc nên tháng 6 năm 2011, vợ chồng ông P, bà P1 có đến nhà bà hỏi vay 1 tỷ đồng để vợ chồng bà P1 mua nhà ở phường N nhưng bà X chỉ cho vay 900.000.000 đồng vì còn để tiền kinh doanh. Vì là chỗ thân cận với bố mẹ đẻ bà P1 và ông P lại là người đã xin việc cho con trai bà, có quan hệ tin tưởng nên khi cho vay bà không yêu cầu viết giấy tờ gì và không lấy lãi.

Khi vay, vợ chồng bà P1 hứa trong vòng từ 3 đến 5 năm sẽ hoàn trả hết toàn bộ nhưng thực tế đến nay đã 13 năm vợ chồng bà P1 mới trả được 3 lần, trong đó lần 1 lần trả 200.000.000 đồng, hai lần sau mỗi lần trả 100.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vợ chồng bà P1 đã trả 400.000.000 đồng và vẫn còn nợ số tiền là 500.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông bà Phúc P2 ra Tòa ly hôn nhau, bà X đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà P2 trả cho bà số tiền 500.000.000 đồng còn lại nói trên.

Bà X khai rõ số tiền 900.000.000 đồng bà X cho vợ chồng ông P bà P2 vay là tiền mặt. Bà giao một lần cho bà P2 trực tiếp đến nhà nhận. Số tiền 400.000.000 đồng cũng do bà P2 trực tiếp đến trả cho bà X. Vậy, bà X làm đơn này đề nghị Tòa án xem xét cho bà. Vì điều kiện, bà xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - ông Nguyễn Ngọc T trình bày:***

Năm 2011, vợ chồng ông P, bà P2 có mua một căn nhà tại tổ D, phường N, quận C, Hà Nội. Do là đồng nghiệp đồng thời là cổ đông Công ty cổ phần T7, anh P và chị P2 có đề nghị vay và ông T cho vay số tiền là 1.000.000.000 đồng và 100.000 USD. Mục đích cho ông P vay tiền mua nhà, sang tên sổ đỏ rồi tự vay tiền ngân hàng trả lại tiền cho ông. Sau khi ông P, bà P2 vay được tiền ngân hàng, ngày 27/10/2011, ông P có trả lại ông T 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó ông P xin nhận lại số tiền trên vào ngày 9/12/2011. Như vậy, đến ngày hôm nay, vợ chồng ông P, bà P2 vẫn đang nợ ông T số tiền

1.000.000.000 đồng chẵn và 100.000 USD. Do doanh nghiệp cần vốn mà ông P, bà P2 không thu xếp được nguồn tiền trả nợ nên ông P, bà P2 đã đồng ý cho doanh nghiệp là Công ty cổ phần T7 thế chấp căn nhà nói trên tại Ngân hàng TNHH MTV S1 ngày 14/ 12/ 2011. Sau đó là Ngân hàng TMCP Q2 ngày 14/3/2013 với giá trị định giá nhà thế chấp là 3.000.080.000 đồng. Liên quan đến vụ án ly hôn giữa ông P, bà P2, quan điểm của ông T và Công ty cổ phần T7 do ông T là Tổng giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty sẵn sàng hợp tác để ông P, bà P2 thuận tình ly hôn và phân chia tài sản. Ông T có ý kiến như sau, khi ông T nhận lại số tiền ông P, bà P2 trả nợ, khoản tiền đó sẽ được nộp vào ngân hàng M1 để giải chấp, trả lại sổ đỏ cho ông P, bà P2 xử lý, hoặc ông T sẵn sàng hợp tác xử lý theo phương án khác hợp tình, hợp lý và hợp lệ cho các bên có liên quan, giúp ông P, bà P2 ổn định cuộc sống sau ly hôn.

*** Ngân hàng TMCP Q2 trình bày**

Đối với tài sản là *Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 51, diện tích 44m² (Đất ở lâu dài) địa chỉ tại tổ D, phường N, quận C, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 270331, số vào sổ cấp GCN: CH.2773/QĐ-UBND/2011/953 do UBND quận C Giấy thành phố Hà Nội cấp ngày 12/08/2011 cho ông Tào Xuân P và bà Hoàng Thị Mai P1.*

Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số công chứng số 1012.2013/HĐTC ký ngày 14/03/2013 tại Phòng C, thành phố Hà Nội để bảo đảm cho khoản nợ của Công ty Cổ phần T7 tại Ngân hàng TMCP Q2.

Do Công ty Cổ phần T7 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Q2 đã tiến hành khởi kiện để yêu cầu trả nợ. Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đã xét xử sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của MB. Công ty cổ phần T7 và bà Hoàng Thị Mai P1 đã kháng cáo bản án sơ thẩm. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử phúc thẩm và quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Hiện nay Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 thành phố Hà Nội đang triển khai thi hành án đối với Bản án số 105/2023/KDTM-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Bản án số 195/2024/KDTM-PT ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Nội dung quyết định thi hành án cụ thể như sau:

Buộc Công ty Cổ phần T7 trả cho Ngân hàng TMCP Q2 tổng số tiền nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số 41464.21.074.1229531.TD ký ngày 29/07/2021; Văn bản sửa đổi/Bổ sung hợp đồng cấp tín dụng số 41464.21.074.1229531.TD.PL ngày 27/9/2021; Thỏa thuận chung trong việc cấp và sử dụng các khoản tín dụng tại Ngân hàng TMCP Q2 số 41465.21.074.1229531.TT ngày 29/7/2021 và các khế ước nhận nợ kèm theo

tạm tính đến ngày 07/9/2023 là **15.195.825,709 đồng**, trong đó nợ gốc là **12.701.888.804 đồng**, N lãi trong hạn: **136.039.909 đồng**, N lãi quá hạn: **2.344.995.272 đồng**, L1 phạt: **12.901.724 đồng**;

Buộc Công ty Cổ phần T7 thanh toán khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả kể từ ngày 08/9/2023 cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q2 theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số 41464.21.074.1229531.TD ký ngày 29/07/2021; Văn bản sửa đổi/Bổ sung hợp đồng cấp tín dụng số 41464.21.074.1229531.TD.PL ngày 27/9/2021; Thỏa thuận chung trong việc cấp và sử dụng các khoản tín dụng tại Ngân hàng TMCP Q2 số 41465.21.074.1229531.TT ngày 29/7/2021 và các khế ước nhận nợ kèm theo hai bên đã ký .

Trường hợp hợp đồng cấp tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Q2.

Trường hợp Công ty Cổ phần T7 không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Q2 đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 51 địa chỉ tại tổ D, phường N, quận C, thành phố Hà Nội (Nay là số 4, ngách B ngõ B H, phường N, quận C, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 270331, sổ vào sổ cấp GCN: CH.2773/QĐ-UBND/2011/953 do UBND quận C Giấy thành phố Hà Nội cấp ngày 12/08/2011 cho ông Tào Xuân P và bà Hoàng Thị Mai P1 theo hợp đồng thế chấp số công chứng số 1012.2013/HĐTC ký ngày 14/03/2013 tại Phòng C, thành phố Hà Nội.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 27 tại địa chỉ Tập thể Kiến trúc T, thôn T, xã X, huyện T, thành phố Hà Nội (Nay là số C ngách H T, TDP T, phường X, quận B, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 169557, Sổ vào sổ cấp GCN: CH01752, số QĐ: 5741/UBND do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/08/2012 cho bà Đỗ Thị K1. Tặng cho ông Đặng Xuân P3 và bà Lê Thị Mỹ H1 ngày 06/07/2018 theo Hợp đồng thế chấp số 26962.18.074.1229531.BĐ ký ngày 03/08/2018, số công chứng số 05785.2018/HĐTC tại văn phòng C1, thành phố Hà Nội

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có đặc điểm như sau: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số : 1 phần thửa 87,88,89,92,93,90, tờ bản đồ số 26, diện tích 286,4m² (Sử dụng riêng 20,4m², Sử dụng chung 266m²) tại địa chỉ G T, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở

địa chỉ tại G T, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số phát hành 797712716903527, Số vào sổ cấp GCN: 0653/2008/UB.GCN, do Ủy ban nhân dân quận A, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/02/2008 cho ông Hoàng Lê Thiếu T4 (1958) và bà Nguyễn Thị Thanh N1 (1955). Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H – Chi nhánh Q4 xác nhận Tặng cho ông Hoàng Lê Viết T5 (1983) và ông Hoàng Lê Viết T6 (1988) ngày 06/08/2020 theo Hợp đồng thế chấp số 44778.20.074.1229531.BĐ ký ngày 28/09/2020, số công chứng số 017581 tại văn phòng C2, thành phố Hồ Chí Minh.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ nợ trong các hợp đồng cấp tín dụng nêu trên. Nếu có dư, Ngân hàng TMCP Q2 phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho Ngân hàng TMCP Q2 số tiền còn thiếu.

Tài sản của ông Tào Xuân P và bà Hoàng Thị Mai P1 vẫn đang trong quá trình xử lý thi hành án, chưa bị kê biên phát mại để thi hành án đồng thời Ngân hàng cũng chưa thực hiện thủ tục giải chấp đối với tài sản trên. Do đó đề nghị tòa án chưa tiến hành chia tài sản chung đối với tài sản này do tài sản vẫn còn phải bảo đảm nghĩa vụ cho Công ty T7 tại MB.

Đối với các tài sản khác, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/4/2026, Công ty cổ phần T7 tắt toán khoản nợ theo phương án miễn giảm lãi của Ngân hàng TMCP Q2, Ngân hàng TMCP Q2 đã giải chấp tài sản và giao toàn bộ hồ sơ tài sản cho ông Tào Xuân P và bà Hoàng Thị Mai P1. Cơ quan thi hành án cũng đã đình chỉ giải quyết thi hành án đối với việc thi hành án Bản án số 105/2023/KDTM-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Bản án số 195/2024/KDTM-PT ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia Đình sơ thẩm số 282/2025/HNGĐ-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Tào Xuân P và bà Hoàng Thị Mai P1.

Về con chung: Giao con Tào Hương X1, sinh ngày 29/10/2007 cho bà Hoàng Thị Mai P1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tào Xuân P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 5.000.000đ/tháng. Việc nuôi con và cấp dưỡng cho con được thực hiện kể từ ngày 09/9/2025 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác. Ông P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Con chung Tào Hoàng L, sinh ngày 11/12/2002, đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con, Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ: Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị X về yêu cầu buộc bà Hoàng Thị Mai P1 và ông Tào Xuân P trả lại số tiền 500.000.000 đồng còn nợ. Buộc bà Hoàng Thị Mai P1 có nghĩa vụ trả bà Đỗ Thị X số tiền 500.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Đỗ Thị X có đơn yêu cầu thi hành án, bà Hoàng Thị Mai P1 phải chịu lãi chậm thi hành án trên số tiền phải thi hành theo lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/9/2025, bà Hoàng Thị Mai P1 có đơn kháng cáo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 282/2025/HNGĐ-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, thành phố Hà Nội với đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hủy bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bà Hoàng Thị Mai P1 đề nghị Tòa án không giải quyết về phần công nợ đối với bà X, còn các nội dung khác giữ nguyên như án sơ thẩm.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P1 nhất trí với đề nghị của bà P1.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử phúc thẩm. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội như sau: Chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Mai P1; Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Hủy 01 phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 282/2025/HNGĐ-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, thành phố Hà Nội: Hủy về phần công nợ không giải quyết. Đình chỉ giải quyết về phần công nợ giữa bà X với

bà P1 do trước khi xét xử phúc thẩm bà X có đơn rút yêu cầu giải quyết về phần nợ; ông P, bà P1 nhất trí với đề nghị của bà X.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ về hình thức để xem xét.

[2] Về nội dung:

- Trước khi xét xử phúc thẩm, ngày 15/4/2026 bà X có đơn đề nghị rút yêu cầu đề nghị trả nợ, không yêu cầu vợ chồng ông P, bà P1 phải trả nợ cho bà, khoản tiền 500.000.000 ông P, bà P1 còn nợ bà không đề nghị Tòa án giải quyết, tự thỏa thuận giải quyết với nhau và đề nghị xét xử vắng mặt bà.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà P1 đề nghị không giải quyết về khoản nợ của bà X, còn các nội dung khác giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Ông P nhất trí với đề nghị của bà P1 và bà X.

Hội đồng xét xử xét: Việc rút yêu cầu giải quyết về khoản nợ của bà X đối với ông P, bà P1 là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm bà P1, ông P nhất trí với đề nghị của bà X và đề nghị không giải quyết về khoản nợ, các yêu cầu khác giữ nguyên như án sơ thẩm, xét đề nghị của bà X, bà P1, ông P phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận do đó hủy án sơ thẩm về việc giải quyết về công nợ, đình chỉ xét xử phúc thẩm 01 phần đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về giải quyết công nợ. Do bà X rút đơn giải quyết về yêu cầu đòi nợ nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

Đề xuất của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[3] Án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị Mai P1 được chấp nhận nên bà P1 không phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị Mai P1. Hủy 01 phần bản án Hôn nhân và Gia Đình sơ thẩm số 282/2025/HNGĐ-ST ngày 09/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, thành phố Hà Nội về giải quyết công nợ, đình chỉ giải quyết phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà P1 về giải quyết công nợ, cụ thể:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Tào Xuân P và bà Hoàng Thị Mai P1.

[2]. Về con chung: Giao con Tào Hương X1, sinh ngày 29/10/2007 cho bà Hoàng Thị Mai P1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tào Xuân P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 5.000.000đ/tháng. Việc nuôi con và cấp dưỡng cho con được thực hiện kể từ ngày 09/9/2025 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác. Ông P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Con chung Tào Hoàng L, sinh ngày 11/12/2002 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con, Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về tài sản chung: Ông Tào Xuân P và bà Hoàng Thị Mai P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về công nợ chung: Đình chỉ giải quyết phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị P1 về giải quyết công nợ.

Hủy quyết định về giải quyết công nợ là khoản vay 500.000.000 đồng giữa bà Đỗ Thị X với bà Hoàng Thị Mai P1.

[4]. Về án phí: Bà Hoàng Thị Mai P1 không phải chịu án phí phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0011373 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội được hoàn lại. Bà Hoàng Thị Mai P1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS thành phố Hà Nội;
- VKS, Tòa án, Phòng THADS khu vực 4;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Đinh Thị Thu Hương